

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

Bài viết này phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam những năm gần đây. Nghiên cứu chỉ ra những cơ hội và thách thức với Việt Nam khi tiếp nhận xu hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề xuất một số kiến nghị để giải quyết các vấn đề còn tồn tại góp phần nâng cao khả năng thu hút vốn, tận dụng tối đa các lợi ích mang lại từ nguồn vốn FDI để thúc đẩy phát triển nền kinh tế.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, cơ hội, thách thức, Việt Nam

FOREIGN DIRECT INVESTMENT: SITUATION, OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM

Do Thi Hai Yen

This article analyzes the current situation of foreign direct investment (FDI) in Vietnam in recent years. The study points out the opportunities and challenges for Vietnam when receiving the shifting trend of FDI inflows in the current period, thereby proposing a number of recommendations and improve the ability to attract capital, making the most benefits from FDI capital for economic development.

Keywords: Foreign direct investment, opportunities, challenges, Vietnam

Ngày nhận bài: 10/5/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 24/5/2022

Ngày duyệt đăng: 31/5/2022

Giới thiệu

Trong những năm gần đây, các nhà đầu tư nước ngoài đã nhắm đến các nước ASEAN với nhiều lí do khác nhau. Bhatt (2008) cho rằng, ASEAN đã, đang trở thành một trong những địa điểm đầu tư nổi bật nhất trong số các khu vực đang phát triển. Erdal và Gocer (2014) và Mamun và Sohag (2015) khẳng định, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những động lực chính thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế ASEAN. Việt Nam là một quốc gia thuộc ASEAN có sự tăng

trường vượt bậc về kinh tế do đòn bẩy từ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, sau khi xảy ra chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, xu hướng dịch chuyển FDI từ Trung Quốc sang các nước lân cận đã mở ra nhiều cơ hội phát triển và đặt ra nhiều thách thức hơn cho Việt Nam.

Các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về vai trò của FDI đối với nền kinh tế. Nhiều ý kiến ủng hộ và đánh giá cao vai trò của FDI trong việc giúp phát triển nền kinh tế nhưng cũng có không ít nghiên cứu chỉ ra các mặt trái mà FDI mang lại cho nền kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế thế giới luôn biến động không ngừng với nhiều sự kiện xảy ra liên tục thời gian gần đây như: Dịch bệnh, chiến tranh, thiên tai... do đó, các quốc gia đang phát triển như Việt Nam cần có các chính sách thích ứng phù hợp để đảm bảo sự ổn định của dòng vốn đầu tư.

Nghiên cứu này phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài, cơ hội và thách thức do dòng vốn FDI mang lại và đề xuất một số giải pháp để phát huy hiệu quả của nguồn vốn này tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Theo số liệu từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, tính đến tháng 5/2022 dòng vốn FDI vào châu Á tăng 53,37%, từ 118.667,2 triệu USD năm 2015 lên 182.006,2 triệu USD năm 2019 (Bảng 1). Riêng năm 2020, nguồn vốn đầu tư trực tiếp quốc tế vào hầu hết các quốc gia ASEAN có giảm sút so với các năm trước do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Trong các quốc gia ASEAN, Việt Nam là nước có dòng FDI tăng tương đối ổn định qua các năm. Trong giai đoạn 2015-2020, FDI vào Việt Nam tăng 33,9%, đạt 15.800

triệu USD năm 2020. Đây là lượng vốn đầu tư tương đối cao so với các nước đang phát triển trong khu vực (Brunei, Lào, Myanmar, Philippines...).

Mặc dù, tình hình kinh tế thế giới có nhiều khó khăn và bị tác động mạnh mẽ bởi dịch COVID-19, nhưng dòng vốn FDI năm 2020 của Việt Nam xếp thứ 3 trong khu vực, chỉ sau Singapore (quốc gia phát triển của châu Á) và Indonesia. Điều này chứng tỏ môi trường kinh tế Việt Nam có nhiều tiềm năng thu hút nguồn vốn FDI.

Tính đến ngày 20/4/2022, các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tính giải ngân đạt 5,92 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2021 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022). Trong 4 tháng đầu năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18/21 ngành trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân, với nguồn vốn đầu tư lớn nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến (tổng vốn đầu tư đạt gần 6,2 tỷ USD), tiếp đó là các lĩnh vực như: Bất động sản, bán buôn và bán lẻ, khoa học và công nghệ.

Các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam đến từ khắp nơi trên thế giới. Tuy vậy, có một số quốc gia có dòng vốn đầu tư chảy vào Việt Nam đáng chú ý như: Đứng đầu là Singapore (tổng vốn đầu tư trên 3,1 tỷ USD), Hàn Quốc xếp thứ hai (tổng vốn đầu tư 1,82 tỷ USD), thứ ba là Đan Mạch (quy mô đầu tư hơn 1,3 tỷ USD), tiếp sau là Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan... Các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đặt nhiều kỳ vọng và rót vốn tập trung vào các thành phố lớn có hạ tầng thuận lợi như: TP. Hồ Chí Minh (12,6% tổng vốn đầu tư), Bình Dương (9,3% tổng vốn đầu tư), Hà Nội (8,9% tổng vốn đầu tư), Bắc Ninh, Hải Phòng...

Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

FDI - dòng dịch chuyển vốn quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Nguồn vốn này giúp các quốc gia nhận đầu tư cơ hội bổ sung nguồn vốn để phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ, năng lực quản lý và hơn hết là cơ hội gia nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các dữ liệu về đầu tư trực tiếp nước ngoài thời

BẢNG 1: DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO CÁC QUỐC GIA ASEAN 2015 - 2020 (triệu USD)

Quốc gia	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Brunei	171,3	-150,4	460,1	517,3	374,6	577,4
Campuchia	1.701	2.475,9	2.788,1	3.212,6	3.663	3.624,6
Indonesia	16.642,1	3.920,7	20.579,2	20.563,5	23.883,3	18.310
Lào	1.079,2	1.075,7	1.695,4	1.358	755,5	967,7
Malaysia	10.180	11.290,3	9.295,8	7.611,3	7.859,7	3.511,8
Myanmar	2.824,5	2.989,5	4.002,4	1.609,8	1.729,9	2.205,6
Philippines	5.639,2	8.279,5	10.256,4	9.948,6	8.671,4	6.585,6
Singapore	59.702,3	70.223,5	84.685,1	75.954,1	114.158,4	90.597,7
Thái Lan	8.927,7	3.486,3	8.285,2	13.190,9	4.790,4	-4.848,9
Việt Nam	11.800	12.600	14.100	15.500	16.120	15.800
ASEAN	118.667,2	116.190,9	157.147,7	149.466	182.006,2	137.331,5

Nguồn: ASEANStatsDataPortal, 2022

gian gần đây cho thấy bức tranh đầy kỳ vọng khi các nhà đầu tư nước ngoài đổ vốn và đặt nhiều niềm tin vào nền kinh tế Việt Nam so với các quốc gia cùng khu vực. Tuy nhiên, cùng với các cơ hội nhận được thì Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam cũng gặp nhiều thách thức trong việc duy trì và tăng cường nguồn vốn này, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế vững chắc trong tương lai của Việt Nam.

Cơ hội

Thứ nhất, song song với các nguồn vốn đầu tư trước đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung xảy ra mang tới nhiều cơ hội đón nhận nguồn đầu tư mới cho Việt Nam do sự chuyển hướng đầu tư từ Trung Quốc sang các quốc gia liền kề. Nguồn vốn FDI lớn giúp tăng trưởng và phát triển kinh tế, giảm thất nghiệp, tạo thêm nguồn thu cho Nhà nước.

Thứ hai, việc Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA), là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và tham gia chuỗi hiệp định thương mại tự do “ASEAN + 1” (Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Trung Quốc...) cho thấy mức độ mở rộng quan hệ thương mại, là cầu nối để tạo cơ hội thu hút thêm nguồn vốn FDI.

Thứ ba, Việt Nam được đánh giá là quốc gia châu Á có nhiều lợi thế trong việc phát triển các dự án, FDI như: tình hình chính trị ổn định, vị trí giao thương

thuận lợi khi tiếp giáp lãnh thổ với nhiều quốc gia, chi phí lao động ở mức thấp so với các quốc gia khác, nguồn cung lao động dồi dào...

Thách thức

Thứ nhất, ảnh hưởng và hệ lụy của đại dịch COVID-19 dẫn tới nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp FDI và việc thu hút nguồn vốn này. Vào đợt dịch cao điểm, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng biện pháp phòng chống dịch mạnh mẽ làm ảnh hưởng tới sự nhìn nhận và quyết định rót vốn của các nhà đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam.

Thứ hai, việc đón nhận dòng vốn FDI đồng nghĩa với việc Việt Nam cần đội ngũ lao động chất lượng cho các dự án, doanh nghiệp FDI. Tuy vậy, hiện nay nguồn nhân lực Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của các doanh nghiệp FDI về kỹ năng mềm, khả năng ngoại ngữ, trình độ chuyên môn.

Thứ ba, chưa có sự liên kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước để cùng phát triển. Ở một số lĩnh vực, các doanh nghiệp FDI thường chiếm nhiều ưu thế hơn và gây nhiều trở ngại cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa cùng ngành.

Thứ tư, khung pháp lý và thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam còn một số điểm chưa hoàn thiện gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, hiệu quả kinh tế của các dự án và doanh nghiệp FDI chưa thực sự tương xứng với tiềm lực về nguồn vốn cũng như các ưu đãi được hưởng từ phía Nhà nước. Các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lỗi thời, làm giảm hiệu quả đầu tư, gây tổn hại nhất định cho nền kinh tế.

Đề xuất, kiến nghị

Thời gian tới, nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI, Việt Nam cần chú trọng các giải pháp sau:

Một là, xây dựng kế hoạch phòng ngừa dịch bệnh COVID-19, thực hiện đúng lộ trình mở cửa nền kinh tế với các quốc gia khác để tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn FDI. Tình hình dịch ở một số quốc gia còn phức tạp khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại, mặc dù hiện tại Việt Nam đang trong giai đoạn bình thường mới nhưng Chính phủ cũng cần có kế hoạch để chủ động đối phó với trường hợp dịch bệnh diễn biến xấu.

Hai là, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của hoạt động của các dự án, doanh nghiệp FDI. Nguồn nhân lực này chính bao gồm các cán bộ quản lý, lao động có

tay nghề, được đào tạo với yêu cầu về “chuẩn đầu ra” phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xã hội.

Ba là, Nhà nước với vai trò là trung gian cần tạo kết nối giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn FDI cùng hỗ trợ nhau trong hoạt động sản xuất để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững. Khi đó, doanh nghiệp trong nước sẽ là mắt xích quan trọng trong hoạt động kinh doanh toàn cầu. Như vậy, các doanh nghiệp nội địa cần giải quyết bài toán về công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng, sản phẩm có tính đột phá... để phù hợp với yêu cầu từ các doanh nghiệp FDI.

Bốn là, đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan đến dự án và doanh nghiệp có nguồn vốn FDI. Các thông tin liên quan đến thủ tục hành chính cần được chỉnh sửa để phù hợp với thực trạng từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, công khai rộng rãi để các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn thông tin này. Cần đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về đầu tư và các luật liên quan... để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Năm là, cần có những chính sách để quản lý hoạt động của các dự án và doanh nghiệp có vốn FDI. Chú trọng chọn lọc các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ mới, hài hoà lợi ích giữa các bên liên quan và ưu tiên các dự án phát triển “bền vững”.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 4 tháng đầu năm 2022;
2. Đỗ Thị Thu (2021), Đầu tư trực tiếp nước ngoài và vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, Tạp chí Tài chính kỳ 2 – Tháng 06/2021;
3. Ngô Thị Ngọc Anh (2022), Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 và định hướng năm 2022, Tạp chí Tài chính kỳ 1+2 – Tháng 01/2022;
4. ASEANStatsDataPortal (2022), <https://data.aseanstats.org/fdi-by-hosts-and-sources>;
5. Bhatt, P.R. (2008), Determinants of Foreign Direct Investment in ASEAN. *Foreign Trade Review*, 43(3), 21-51;
6. Erdal, L. and Gocer, I. (2014), The effects of foreign direct investment on R&D and innovations: panel data analysis for developing Asian countries. *Procedia – Social and Behavioral Sciences*, 195(1), 749–758;
7. Mamun, M.A. and Sohag, K. (2015), Revisiting the dynamic effect of foreign direct investment on economic growth in LDCs. *International Journal of Economic Policy in Emerging Economies*, 8(2), 97–118.

Thông tin tác giả:

TS. Đỗ Thị Hải Yến - Trường Đại học Giao thông vận tải
Email: yendth_ph@utc.edu.vn